TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HN-ST
Ngày: 28 - 01 - 2026.
"V/v tranh chấp **x**in ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**
- Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Bà Đoàn Thị Liễu**
2/ Bà Lê Thị Mỹ
- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn** - Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 1 - An Giang.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, về việc "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2026/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T, sinh ngày 09/04/1995
ĐKTT: Số 889/4 đường T, phường G, tỉnh An Giang.
Chỗ ở hiện nay 32/23 đường N1, phường G, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến N, sinh ngày 17/10/1989
Địa chỉ: Số 889/4 đường T, phường G, tỉnh An Giang.
Hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Kinh 7.

(Các đương sự có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2025; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày: Chị T và anh N tự tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận kết

hôn số 34 ngày 18/04/2012. Sau kết hôn vợ chồng sống ở bên gia đình chồng tại số 889/4 đường Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian sau từ khoảng giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay.

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Anh N ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cự cải nhau, hiện nay anh N đang chấp hành án trong vụ án khác tại Trại giam Kinh 7. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh N không thể tiếp tục sống chung mục đích hôn nhân không đạt nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị Trần Ngọc T xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/07/2013. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Ngọc T xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 15/01/2026, anh Nguyễn Tiến N trình bày:***

Về hôn nhân: Anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Trần Ngọc T. Về con chung: Anh N xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/07/2013. Anh N đồng ý giao người con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa cũng như phát biểu của đại diện Viên Kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần N T khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Tiến N và anh N là bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại phường Rạch Giá, tỉnh An Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Nngọc T và bị đơn anh Nguyễn Tiến N có văn bản ý kiến trình bày và có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh N.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Tiến N được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang (nay là phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) cấp giấy chứng nhận

kết hôn số 34 ngày 18/04/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh N không còn yêu thương, tin tưởng, Q trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẻ, chị T xác định sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân đến nay. Do bất đồng quan điểm, Anh N ghen tuông vô cớ dẫn đến xảy ra mâu thuẫn cự cải nhau và hiện nay anh N đang chấp hành án trong vụ án khác. Ngoài ra, anh N cũng thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị T. Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh N là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, chị T và anh N thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Tiến N theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Tiến N đều xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/07/2013. Chị T và anh N đều thống nhất anh N giao người con chung cho chị T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Tiến N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do thuận tình ly hôn nên anh N và chị T mỗi người chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Do chị T đã tạm nộp án phí 300.000 đồng nên chị T tự nguyện nộp cho anh N. Hoàn trả cho chị T số tiền 150.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* còn thừa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần N T và anh Nguyễn Tiến N.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Ngọc T nuôi dưỡng người con tên Nguyễn Phú Q, sinh ngày 01/07/2013. Chị T không ai yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Tiến N có quyền và nghĩa vụ đối với con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Tiến N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Do thuận tình ly hôn nên anh N và chị T mỗi người chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Chị T tự nguyện nộp thay cho anh N số tiền 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)*. Chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011939 ngày 17/12/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Hoàn trả cho chị T số tiền 150.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* còn thừa.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Tiến N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận :**
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu vực 1-An Giang
- THA DS tỉnh An Giang
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn UBND phường An Bình–KG. (nay là phường Rạch Giá – An Giang);
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Thị Thùy Linh